TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-03-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn

2. Bà Nguyễn Thị N

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 05 tháng 03 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 862/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-01-2025 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11-02-2025 giữa các đương sự:

- *N đơn*: Bà **Nguyễn Lê Thị Thu N**, sinh năm: 1984. (có mặt)

Địa chỉ: 403 tỉnh lộ X, Thanh M, xã D, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn*: Ông **Tôn Thất Lữ L**, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: G5/28A ấp V, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 08 năm 2024, bản tự khai ngày 07/11/2024, biên bản hoà giải ngày 07/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án N đơn – bà Nguyễn Lê Thị Thu N trình bày như sau:

Bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L tự nguyện quen biết nhau 2014, đến năm 2015 thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông L chung sống hạnh phúc đến năm 2022 bà N phát hiện ông L có qun hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà N chấp nhận tha thứ và cho ông L quay về với gia đình. Nhưng ông L vẫn tiếp tục quan hệ, qua lại với người tình, kéo dài không chấm dứt, đến ngày 07/02/2024, ông L và người tình có con chung, bà N cung cấp hình ảnh cho Toà án ghi nhận việc ông L chăm bầu, chăm đẻ, cúng đầy tháng cho con, ăn uống chung sống như vợ chồng ... Cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vả, có lời nói xúc phạm lẫn nhau, gia đình không còn hạnh phúc, niềm tin và tình yêu không còn nữa. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Tôn Thất Lữ L vì bà N và ông L đã sống ly thân 02 năm, bà N đã chuyển về tỉnh Khánh Hoà sinh sống, còn ông L vẫn tiếp tục sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về con chung: Bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Tôn Nữ Hoa N, sinh ngày: 23/06/2015 (Giới tính: Nữ). Hiện trẻ Tôn Nữ Hoa N đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Tôn Nữ Hoa N. Bà N không yêu cầu ông Tôn Thất Lữ L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Lê Thị Thu N tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Lê Thị Thu N tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Lê Thị Thu N giữ lời trình bày nêu trên và đồng ý không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 11 năm 2024, biên bản hoà giải ngày 07/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn - ông Tôn Thất Lữ L trình bày như sau:

Ông Tôn Thất Lữ L và bà Nguyễn Lê Thị Thu N tự nguyện quen biết nhau, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L và bà N chung sống đến tháng 07 năm 2024, ông L vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc xây dựng, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn, ông L không đồng ý ly hôn với bà N, ông L yêu cầu đoàn tụ, lời trình bày của bà N cho rằng ông L có con riêng với người khác là không đúng, sau khi xem hình ảnh của bà N cung cấp cho Toà án, thì không phải con của ông L.

- Về con chung: Ông Tôn Thất Lữ L và bà Nguyễn Lê Thị Thu N chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Tôn Nữ Hoa N, sinh ngày: 23/06/2015 (Giới tính: Nữ). Hiện trẻ Tôn Nữ Hoa N đang sống chung với bà N. Trường hợp Toà án cho ly hôn ông L không đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng, ông L yêu cầu được nuôi trẻ Tôn Nữ Hoa N, ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tôn Thất Lữ L xác nhận có tài sản chung và nợ chung, ông yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và giải quyết nợ chung. Ông L sẽ cung cấp tài liệu, những người nợ và làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của bà N trong thời hạn 20 ngày làm việc.

Tại phiên tòa ông Tôn Thất Lữ L vắng mặt và không nộp văn bản, tài liệu ghi ý kiến theo nội dung biên bản hoà giải ngày 07/11/2024.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của các trẻ Tôn Nữ Hoa N trình bày ngày 07/11/2024 như sau:

Cha của trẻ N tên là Tôn Thất Lữ L và mẹ tên là Nguyễn Lê Thị Thu N. Hiện trẻ N đang sống chung với mẹ. Trẻ Tôn Nữ Hoa N đang học đến lớp 04A Trường tiểu học cơ sở Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà, mỗi ngày

bà N đưa đón trẻ N đi học. Nguyện vọng trẻ Tôn Nữ Hoa N muốn sống chung với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: N đơn là Bà Nguyễn Lê Thị Thu N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ly hôn với ông Tôn Thất Lữ L, hiện ôngL đang cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo trích lục kết hôn số: 342/TLKH-BS ngày 22/05/2018, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, số: 01, ngày 06/01/2015 cấp cho bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L). Do đó, hôn nhân giữa bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai bị đơn – ông Tôn Thất Lữ L vắng mặt. N đơn – bà Nguyễn Lê Thị Thu N có mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] N đơn – bà Nguyễn Lê Thị Thu N yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Tôn Thất Lữ L; Về con chung: có 01 (một) con chung tên là Tôn Nữ Hoa N, sinh ngày: 23/06/2015 (Giới tính: Nữ), hiện tại trẻ Tôn Nữ Hoa N đang sống chung với N đơn. N đơn yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ

Tôn Nữ Hoa N, N đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: N đơn xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Bị đơn – ông Tôn Thất Lữ L không đồng ý ly hôn với N đơn - bà Nguyễn Lê Thị Thu N; Về con chung: Trường hợp Toà án cho ly hôn thì bị đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu N đơn cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: bị đơn xác nhận có tài sản chung và có nợ chung.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án N đơn xác định bị đơn có con chung với người phụ nữ khác, những hình ảnh N đơn cung cấp cho Toà án ghi nhận việc bị đơn bồng con, chăm bầu, chăm đẻ, cúng đầy tháng cho con, ăn uống chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác ... hiện tại vợ chồng đã sống ly thân 02 năm, mỗi người sống mỗi nơi. Ngày 04/06/2024 bị đơn có nộp đơn tại Toà án huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà yêu cầu ly hôn với N đơn, đến ngày 24/07/2024 bị đơn rút đơn khởi kiện và Toà án nhân dân huyện Diên Khánh ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số: 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/07/2024. Nay bị đơn cho rằng những hình ảnh N đơn cung cấp không phải là con riêng của bị đơn, bị đơn không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, nghi ngờ tình cảm với nhau, sống ly thân với nhau, cả hai bên đã có thời gian yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của N đơn là phù hợp quy định tại quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án N đơn và bị đơn cùng cùng xác nhận trường hợp Toà án cho ly hôn thì cả hai bên đều yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày ý kiến của trẻ Tôn Nữ Hoa N thì trẻ N đang sống chung với N đơn và được N đơn chăm sóc, đưa đón trẻ N đi học, nguyện vọng của trẻ N được sống chung với N đơn tại tỉnh Khánh Hoà, trong thời gian này bị đơn đã vào Thành phố Hồ Hồ Chí Minh làm ăn không trực tiếp chăm sóc trẻ N. Căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện sinh sống, học tập của trẻ không nên thay đổi, sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Do đó, cần giao trẻ Tôn Nữ Hoa N cho N đơn được quyền nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: N đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nếu được quyền nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn khi N đơn được quyền nuôi con.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung. Riêng bị đơn thì xác nhận có tài sản chung, có nợ chung và yêu cầu chia, tại biên bản hoà giải ngày 07/11/2024 bị đơn sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung, nợ chung và làm đơn phản tố đối với đơn khởi kiện của N đơn cho Toà án trong thời hạn 20 ngày làm việc, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết tài sản chung và nợ chung nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án tranh chấp tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi cho các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[10] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Lê Thị Thu N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê Thị Thu N.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 01, đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Bà Nguyễn Lê Thị Thu N và ông Tôn Thất Lữ L xác nhận có 01 (một) con chung tên là Tôn Nữ Hoa N, sinh ngày: 23/06/2015 (Giới tính: Nữ).

Bà Nguyễn Lê Thị Thu N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Tôn Nữ Hoa N.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Tôn Thất Lữ L.

Ông Tôn Thất Lữ L có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung và nợ chung cho ông Tôn Thất Lữ L, bà Nguyễn Lê Thị Thu N bằng một vụ án khác, nếu có yêu cầu. Do đó, Toà án không đặt ra giải quyết tài sản chung và nợ chung.

4- Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Lê Thị Thu N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0051021 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Lê Thị Thu N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- UBND nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi